TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2017
V/v không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Thành

Ông Trần Quang Thương

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Vũ Văn Thắng – Thư ký Tòa án Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện viện kiểm sát quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Đậm - Kiểm sát viên

Ngày 18/8/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2017/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017 về việc "không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2017 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 19/2017/TB ngày 11/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1973; Đăng ký HKTT và trú tại: Tổ 6, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1968; Đăng ký HKTT và trú tại: Tổ 6, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và biên bản ghi lời khai ngày 22/6/2017, nguyên đơn là bà Phạm Thị L trình bày: Bà và ông L xây dựng gia đình từ năm 1990, song do không hiểu biết pháp luật nên chưa đăng ký kết hôn. Sau khi cưới hai bên sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng trong vấn đề làm ăn kinh tế, hai bên không tin tưởng nhau về tình cảm. Khoảng 07 năm trở lại đây, mâu thuẫn càng trầm trọng và hai bên đã sống ly thân

không còn quan tâm đến nhau. Nay bà xét thấy tình cảm với ông L không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà L và ông L có 03 con chung là Trần Hải L, sinh năm 1991; Trần Thanh B, sinh năm 1993 (hai cháu L và B đã đủ 18 tuổi) và Trần Thị Thùy D, sinh ngày 17/10/2003. Bà L đề nghị được nuôi cháu D hiện đang sống với bà, tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bà sẽ tự thỏa thuận với ông L.

Về tài sản chung: Bà và ông L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/7/2017, bị đơn là ông Trần Văn L trình bày: Ông và bà Phạm Thị L xây dựng gia đình với nhau từ năm 1990, do tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng chưa đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả và hai bên đã sống ly thân nhiều năm. Nay quan điểm của ông là bà L làm đơn ly hôn, tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông L xác nhận có ba con chung như bà L trình bày và nhất trí với đề nghị được nuôi con chung là cháu D của bà L. Về đóng góp nuôi con chung, ông và bà L tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Ông và bà L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận D đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về quan hệ giữa bà L và ông L cũng như mâu thuẫn của hai bên...

Tại phiên tòa, bà L đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai bên. Về con chung bà đề nghị được nuôi con chung là Trần Thị Thùy D, sinh ngày 17/10/2003. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Theo đơn đề nghị giải quyết văng mặt ông cũng đồng ý ly hôn và để giao con chung là cháu D cho bà L nuôi dưỡng, ông và bà L tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản, ông và bà L tự giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị tòa án xử không công nhận quan hệ vợ chồng và giao con chung là cháu D cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài L có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bà Phạm Thị L và ông Trần Văn L đều đăng ký hộ khẩu và cư trú trên địa bàn quận D, thành phố Hải Phòng. Nay bà L có đơn xin ly hôn ông L, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình do đó Tòa án nhân dân quận D thụ lý giải quyết là đúng quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Phạm Thị L và ông Trần Văn L xây dựng gia đình với nhau từ năm 1990, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tòa án nhân dân quận D đã thu thập chứng cứ về việc đăng ký kết hôn giữa bà L, ông L tại UBND phường H - nơi bà L, ông L đăng ký hộ khẩu thường trú, sinh sống và tại Phòng tư pháp quận D, đều thể hiện trong sổ lưu đăng ký kết hôn từ năm 1989 đến nay không có trường hợp đăng ký kết hôn của bà L và ông L.

Như vậy có cơ sở khẳng định: Bà Phạm Thị L và ông Trần Văn L chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình. Theo hướng dẫn tại Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình: "... 4. Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình" do đó tại phiên tòa hôm nay bà L yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông L là vợ chồng là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu của bà L.

Về con chung: Bà Phạm Thị L và ông Trần Văn L có 03 con chung là Trần Hải L, sinh năm 1991; Trần Thanh B, sinh năm 1993 (hai cháu L và B đã đủ 18 tuổi) và Trần Thị Thùy D, sinh ngày 17/10/2003. Cháu L và cháu B đều đã đủ 18 tuổi và có công ăn việc làm ổn định nên vấn đề nuôi hai cháu không đặt ra. Đối với cháu D chưa đủ 18 tuổi, nay giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông L, bà L đề nghị được nuôi con chung là cháu D, ông L cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của các bên và ý kiến của cháu D; việc giao cháu D cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp ý chí của các bên, đúng pháp luật và cũng đảm bảo nguyện vọng của cháu là muốn ở với mẹ; do đó cần công nhận sự thỏa thuận của bà L và ông L về việc giao con chung là Trần Thùy D, sinh ngày 17/10/2003 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Về tiền cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà L và ông L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bà L và ông L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phạm Thị L và ông Trần Văn L.

2. Về nuôi con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của bà Phạm Thị L và ông Trần Văn L về việc giao con chung là Trần Thị Thùy D, sinh ngày 17/10/2003 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tiền cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Bà L phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D theo biên lai thu tiền số 3589 ngày 21/6/2017.

4. Bà Phạm Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát quận D;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Quang Trung